

# TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 41

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### 1. Thông tin chung

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301445210, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 02 năm 2007 và các lần đăng ký thay đổi với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 09 (chín) ngày 09 tháng 09 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty có mã chứng khoán là TVT được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định 223/QĐ-SGDHCM ngày 27 tháng 6 năm 2017.

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông.
- Mã chứng khoán: TVT.
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 21.000.000 cổ phiếu.
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 210.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ : 127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : 028 3896 9337 – 3896 0543
- Fax : 028 3896 9319

Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất vải;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Dịch vụ lắp ráp, lắp đặt không phải là dịch vụ xây dựng) (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất bông, xơ, sợi;
- Kinh doanh bất động sản (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);
- Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc diện danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Bao gồm: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng (mã ngành 4663); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (mã ngành 4659); bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép (mã ngành 4641); bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (mã ngành 4669);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác từ các đơn vị sản xuất trong khuôn viên Công ty để về điểm tập kết xử lý (trừ hoạt động thu gom rác thải trực tiếp từ hộ gia đình);
- Hoạt động của các căng tin (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ);
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Cung cấp nước trong khu công nghiệp phục vụ sản xuất;
- Sản xuất sản phẩm dệt may;
- Sản xuất điện (không hoạt động tại trụ sở);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bán điện cho người sử dụng (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân);
- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội tổng hợp (trừ lưu trú bệnh nhân).

Trong năm 2023, hoạt động chính của Công ty là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; hoạt động thoát nước và xử lý nước thải; thu gom rác thải không độc hại; hoạt động của các căng tin; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### 2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban quản lý điều hành

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban quản lý điều hành trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Lê Tiến Trường	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 08/06/2022
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Phó chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 08/06/2022
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/06/2022
Ông Điều Chí Hào	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/06/2022
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/06/2022

#### Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Bà Vũ Thị Thùy Dương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 08/06/2022
Ông Nguyễn Đức Lợi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/06/2022
Bà Đào Thị Nội	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/06/2022

#### Ban Quản lý điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Minh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/04/2020
Ông Lê Nguyễn Ngọc	Phó Tổng Giám đốc (không chuyên trách)	Bổ nhiệm ngày 01/08/2009
Ông Đậu Phi Quyết	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25/02/2022
Ông Bùi Đăng Hoàn	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 25/02/2022
Ông Diệp Quốc Bình	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 17/12/2017

#### Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quang Minh – Tổng Giám đốc.

### 3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### 4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**7. Công bố các báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc công bố Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Ông NGUYỄN QUANG MINH  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International



Số: 216/2024/BCKTHN-HCM.01074

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông**  
**Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP và các công ty con (gọi chung là "Tổng Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2024, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

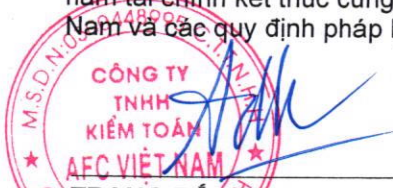
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**TRANG ĐẮC NHA**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

*Manatru*

**NGUYỄN NGỌC ANH TRÚC**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5517-2021-009-1

**TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP**

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>974.264.157.379</b>	<b>1.370.354.634.616</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>156.362.612.466</b>	<b>270.070.377.523</b>
Tiền	111		155.362.612.466	264.979.281.633
Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	5.091.095.890
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>109.000.000.000</b>	<b>352.500.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	109.000.000.000	352.500.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>198.820.089.760</b>	<b>241.802.297.609</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	191.293.681.982	228.038.507.851
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.734.489.489	5.332.075.721
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	2.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	7.050.860.519	17.690.656.267
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(9.258.942.230)	(9.258.942.230)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.7	<b>486.583.345.728</b>	<b>482.353.648.785</b>
Hàng tồn kho	141		495.203.187.491	494.990.736.219
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.619.841.763)	(12.637.087.434)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>23.498.109.425</b>	<b>23.628.310.699</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	2.921.746.852	4.270.597.516
Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.145.027.021	5.374.468.017
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	5.431.335.552	13.983.245.166
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP**

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>482.035.780.290</b>	<b>442.925.588.041</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>100.000.000</b>	<b>240.000.000</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.5	100.000.000	240.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>368.498.292.881</b>	<b>358.637.477.564</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	368.033.196.881	358.637.477.564
Nguyên giá	222		1.688.393.870.044	1.598.494.465.965
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.320.360.673.163)	(1.239.856.988.401)
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	465.096.000	-
Nguyên giá	228		1.721.142.808	1.139.772.808
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.256.046.808)	(1.139.772.808)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	5.11	<b>40.138.471.309</b>	<b>44.453.629.935</b>
Nguyên giá	231		99.345.324.219	99.345.324.219
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(59.206.852.910)	(54.891.694.284)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>38.783.057.155</b>	<b>12.133.797.905</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	38.783.057.155	12.133.797.905
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.2	<b>12.597.463.901</b>	<b>11.916.324.435</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		7.997.463.901	7.316.324.435
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.600.000.000	4.600.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>21.918.495.044</b>	<b>15.544.358.202</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	20.463.718.448	15.544.358.202
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.454.776.596	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.456.299.937.669</b>	<b>1.813.280.222.657</b>




**TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP**


127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>880.434.030.178</b>	<b>1.191.284.421.997</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>776.118.525.082</b>	<b>1.135.043.792.457</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	139.808.287.980	111.989.471.587
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.004.502.475	12.459.138.808
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	1.597.614.978	6.520.161.625
Phải trả người lao động	314		14.678.420.379	59.530.684.824
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.701.945.487	804.998.788
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	140.021.756.386	182.339.339.782
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	463.144.334.922	751.004.122.467
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		5.161.662.475	10.395.874.576
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>104.315.505.096</b>	<b>56.240.629.540</b>
Phải trả dài hạn khác	337	5.15	27.241.055.318	6.945.480.318
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	77.074.449.778	48.986.996.834
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	308.152.388
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>575.865.907.491</b>	<b>621.995.800.660</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.17	<b>575.865.907.491</b>	<b>621.995.800.660</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		210.000.000.000	210.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.062.727.273	3.062.727.273
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		59.042.458.985	59.042.458.985
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		242.430.972.214	287.862.428.775
LNST chưa phân phối năm trước	421a		230.351.696.143	232.863.747.833
LNST chưa phân phối năm nay	421b		12.079.276.071	54.998.680.942
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		61.329.749.019	62.028.185.627
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.456.299.937.669</b>	<b>1.813.280.222.657</b>

  
HOÀNG THỊ THUÝ VÂN  
Người lập

  
DIỆP QUỐC BÌNH  
Kế toán trưởng

  
NGUYỄN QUANG MINH

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024



**TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP**

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>1.683.510.313.397</b>	<b>1.960.197.276.355</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.560.636.986	3.427.880.775
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	6.1	<b>1.681.949.676.411</b>	<b>1.956.769.395.580</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	6.2	<b>1.537.753.459.761</b>	<b>1.750.875.017.560</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>144.196.216.650</b>	<b>205.894.378.020</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	22.461.814.082	31.504.779.498
Chi phí tài chính	22	6.4	47.855.998.120	50.701.628.962
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		40.664.035.742	36.995.562.346
Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		681.139.466	2.509.556.877
Chi phí bán hàng	25	6.5	18.290.028.712	18.063.629.104
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	86.185.635.161	101.387.355.061
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>15.007.508.205</b>	<b>69.756.101.268</b>
Thu nhập khác	31		3.241.509.332	1.651.717.677
Chi phí khác	32		369.907.757	600.487.274
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>2.871.601.575</b>	<b>1.051.230.403</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>17.879.109.780</b>	<b>70.807.331.671</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		6.956.366.545	14.819.792.323
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(1.762.928.984)	762.880.939
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>12.685.672.219</b>	<b>55.224.658.409</b>
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		12.079.276.071	54.998.680.942
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		606.396.148	225.977.467
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	557	2.399



**HOÀNG THỊ THUÝ VÂN**  
Người lập



**DIỆP QUỐC BÌNH**  
Kế toán trưởng




**NGUYỄN QUANG MINH**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

**TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP**

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Mã số	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	17.879.109.780	70.807.331.671
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	96.406.546.415	102.595.326.293
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(4.017.245.671)	1.096.633.330
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	04	2.685.485.481	5.031.347.870
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(16.030.579.284)	(28.967.420.145)
Chi phí lãi vay	06	40.664.035.742	36.995.562.346
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>137.587.352.463</b>	<b>187.558.781.365</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	33.999.841.024	45.472.765.046
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(212.451.272)	(207.376.416.567)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(57.883.806.582)	188.249.730.875
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(4.889.636.027)	(983.646.230)
Tiền lãi vay đã trả	14	(40.812.469.126)	(36.668.858.988)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.086.161.486)	(27.566.523.753)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(10.595.152.489)	(5.827.049.880)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>56.107.516.505</b>	<b>142.858.781.868</b>
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(123.165.557.719)	(28.076.255.679)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	968.310.775	1.139.872.475
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(104.700.000.000)	(376.091.095.890)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	346.200.000.000	214.591.095.890
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27.524.919.153	23.913.546.757
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>146.827.672.209</b>	<b>(164.522.836.447)</b>
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.051.781.618.819	1.318.478.554.924
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.313.623.226.355)	(1.065.967.308.107)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(54.732.050.000)	(61.932.659.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(316.573.657.536)</b>	<b>190.578.587.817</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>(113.638.468.822)</b>	<b>168.914.533.238</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>270.070.377.523</b>	<b>105.904.657.085</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(69.296.235)	(4.748.812.800)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>156.362.612.466</b>	<b>270.070.377.523</b>

**HOÀNG THỊ THUÝ VÂN**  
 Người lập



**DIỆP QUỐC BÌNH**  
 Kế toán trưởng

**NGUYỄN QUANG MINH**  
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

## TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty bao gồm: Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (công ty mẹ) và các công ty con là Công ty Cổ phần May Việt Thắng, Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt May Bình An và các công ty liên doanh, liên kết là Công ty TNHH Việt Thắng Luch I, Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty mẹ”) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301445210, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 02 năm 2007 và các lần đăng ký thay đổi với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 09 (chín) ngày 09 tháng 9 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty có mã chứng khoán là TVT được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 223/QĐ-SGDHCM ngày 27 tháng 6 năm 2017.

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông.
- Mã chứng khoán: TVT.
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 21.000.000 cổ phiếu.

Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 210.000.000.000 VND.

### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất, thương mại và dịch vụ.

### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty gồm:

- Sản xuất vải;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Dịch vụ lắp ráp, lắp đặt không phải là dịch vụ xây dựng) (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất bông, xơ, sợi;
- Kinh doanh bất động sản (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);
- Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc diện danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Bao gồm: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng (mã ngành 4663); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (mã ngành 4659); bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép (mã ngành 4641); bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (mã ngành 4669);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác từ các đơn vị sản xuất trong khuôn viên Công ty để về điểm tập kết xử lý (trừ hoạt động thu gom rác thải trực tiếp từ hộ gia đình);
- Hoạt động của các căng tin (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ);
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Cung cấp nước trong khu công nghiệp phục vụ sản xuất;
- Sản xuất sản phẩm dệt may;
- Sản xuất điện (không hoạt động tại trụ sở);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bán điện cho người sử dụng (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân);
- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội tổng hợp (trừ lưu trú bệnh nhân).

**TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP**

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Trong năm 2023, hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải và sản phẩm may mặc; hoạt động thoát nước và xử lý nước thải; thu gom rác thải không độc hại; hoạt động của các cảng tin; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

**1.5 Cấu trúc của Tổng Công ty**

Danh sách các công ty con; công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

**Các công ty con**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
- Công ty Cổ phần May Việt Thắng	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất hàng may mặc, gia công may	52,27%	52,27%
- Công ty Cổ phần nguyên phụ liệu Dệt May Bình An	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất và mua bán phụ liệu ngành dệt may	58,55%	58,55%

**Các Công ty liên doanh, liên kết**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
- Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các loại áo cao cấp	50,00%	50,00%
- Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may TP. Hồ Chí Minh	96 Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất mua bán nguyên vật liệu ngành dệt	20,00%	20,00%
- Công ty TNHH Thời Trang Hiệp Thắng	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các loại quần áo thời trang	35,00%	18,29%

**1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

**1.7 Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số nhân viên của Tổng Công ty là 1.557 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.550 người).

## **TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP**

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

# **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

## **2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **4.2 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (công ty mẹ), Công ty Cổ phần May Việt Thắng (công ty con) và Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An (công ty con) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### 4.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).

## TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

#### 4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.5 Các khoản đầu tư tài chính

##### *Công ty liên doanh*

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

##### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

##### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



## TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 4.6 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Sản phẩm dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Thành phẩm: bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:



***Chi phí bảo hiểm rủi ro tài sản, chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ***

Chi phí bảo hiểm rủi ro tài sản, chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian không quá 12 tháng kể từ khi phát sinh.

***Chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

**4.9 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm trích khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<b>Loại tài sản cố định</b>	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 38
Máy móc, thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 09

**4.10 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

**4.11 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

## TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa	05 – 25

#### 4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 4.13 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 4.14 Vốn chủ sở hữu

##### Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến

việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### **4.15 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh thu đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### ***Doanh thu về cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu về cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

## TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

#### **4.17 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

## TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tổng công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tổng Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của Báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

#### 4.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

#### 4.20 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 4.21 Công cụ tài chính

##### Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tổng Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

## TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

### Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tổng Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tổng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## 4.22 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	Công ty liên doanh
Công ty CP Thương mại Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng	Công ty liên kết
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt tồn quỹ	1.108.303.769	1.832.787.366
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	154.254.308.697	263.146.494.267
Các khoản tương đương tiền	1.000.000.000	5.091.095.890
	<b>156.362.612.466</b>	<b>270.070.377.523</b>

**TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP**

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

**5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	109.000.000.000	109.000.000.000	352.500.000.000	352.500.000.000
	<b>109.000.000.000</b>	<b>109.000.000.000</b>	<b>352.500.000.000</b>	<b>352.500.000.000</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng tại Ngân hàng và Công ty tài chính với lãi suất 6,0% - 8,8%/năm.

**5.2.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

		31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	(1)	7.997.463.901	7.316.324.435
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(2)	4.600.000.000	4.600.000.000
		<b>12.597.463.901</b>	<b>11.916.324.435</b>

(1) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	6.053.867.340	5.414.767.740
Công ty CP Thương mại Dệt may TP. Hồ Chí Minh	-	-
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng	1.943.596.561	1.901.556.695
	<b>7.997.463.901</b>	<b>7.316.324.435</b>

(2) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty Cổ phần Phong Việt	1.000.000.000	1.000.000.000
	<b>4.600.000.000</b>	<b>4.600.000.000</b>

**Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết trong năm**

- Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may TP. Hồ Chí Minh: đã tạm ngưng hoạt động từ ngày 08 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định phá sản số 1198/2022/QĐ-TBPS ngày 08/08/2022 của Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh.
- Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.



**TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP**

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tình hình biến động các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tại ngày đầu năm	7.316.324.435	4.806.767.558
Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	763.464.716	2.509.556.877
Cổ tức đã nhận	(82.325.250)	-
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>7.997.463.901</b>	<b>7.316.324.435</b>

*Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty với các công ty liên doanh, liên kết được trình bày tại mục 6.1 và 10.1.2.

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Phải thu bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	3.384.812.951	1.956.728.949
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
Công ty TNHH ĐT SX TM Thanh Quang	32.121.622.351	42.416.958.876
Lever Style Limited	9.345.415.904	34.037.101.607
Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	14.897.511.904	20.653.539.579
Các khách hàng khác	131.544.318.872	128.974.178.840
	<b>191.293.681.982</b>	<b>228.038.507.851</b>

**5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Phải thu bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I (*)	2.000.000.000	-
	<b>2.000.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Là khoản cho vay với thời hạn 12 tháng, lãi suất 7%/năm và không có tài sản đảm bảo.

**5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác****5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu bên liên quan</b>				
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I				
- Phải thu về cổ tức	1.130.922.000	(1.130.922.000)	1.130.922.000	(1.130.922.000)
- Phải thu khác	127.704.936	-	12.418.710	-
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng				
- Phải thu về cổ tức	157.500.000	-	157.500.000	-
<b>Phải thu tổ chức và cá nhân khác</b>				
Lãi tiền gửi phải thu	2.294.507.918	-	13.706.369.863	-
Phải thu về cổ tức	1.080.000.000	-	1.080.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.260.225.665	-	1.603.445.694	-
	<b>7.050.860.519</b>	<b>(1.130.922.000)</b>	<b>17.690.656.267</b>	<b>(1.130.922.000)</b>

**TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP**

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

**5.5.2 Phải thu dài hạn khác**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu tổ chức và cá nhân khác</b>				
Các khoản ký cược, ký quỹ	100.000.000	-	240.000.000	-
	<b>100.000.000</b>	<b>-</b>	<b>240.000.000</b>	<b>-</b>

**5.6 Nợ quá hạn**

	Thời gian quá hạn	31/12/2023		Thời gian quá hạn	01/01/2023	
		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Phải thu thương mại</b>						
<b>Các đối tượng khác</b>						
Công ty TNHH Thương mại Phó Nghiệp Thành	> 3 năm	7.854.352.473	-	> 3 năm	7.854.352.473	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đoàn Kết	> 3 năm	273.667.757	-	> 3 năm	273.667.757	-
<b>Phải thu khác</b>						
<b>- Bên liên quan</b>						
Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I	> 3 năm	1.130.922.000	-	> 3 năm	1.130.922.000	-
		<b>9.258.942.230</b>	<b>-</b>		<b>9.258.942.230</b>	<b>-</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tại ngày đầu năm	9.258.942.230	11.803.773.391
Trích lập, (hoàn nhập) dự phòng trong năm	-	(2.544.831.161)
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>9.258.942.230</b>	<b>9.258.942.230</b>

**5.7 Hàng tồn kho**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	3.016.430.729	-	611.084.798	-
Nguyên vật liệu	172.403.617.469	(3.603.229.332)	261.529.369.712	(3.603.229.332)
Công cụ và dụng cụ	114.871.822	-	109.158.608	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	74.785.786.469	-	84.490.305.577	-
Thành phẩm	241.726.522.715	(5.016.612.431)	144.327.936.748	(9.033.858.102)
Hàng hóa	18.761.318	-	226.151.970	-
Hàng gửi đi bán	3.137.196.969	-	3.696.728.806	-
	<b>495.203.187.491</b>	<b>(8.619.841.763)</b>	<b>494.990.736.219</b>	<b>(12.637.087.434)</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tại ngày đầu năm	12.637.087.434	8.995.622.943
Trích lập, (hoàn nhập) dự phòng trong năm	(4.017.245.671)	3.641.464.491
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>8.619.841.763</b>	<b>12.637.087.434</b>

**TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP**

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

**5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn****5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Bảo hiểm rủi ro tài sản	-	1.066.965.453
Công cụ, dụng cụ	2.045.908.385	3.203.632.063
Bảo hộ lao động	875.838.467	-
	<b>2.921.746.852</b>	<b>4.270.597.516</b>

**5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	108.624.999	261.427.358
Công cụ, dụng cụ	16.935.369.005	9.194.954.559
Chi phí khác	3.419.724.444	6.087.976.285
	<b>20.463.718.448</b>	<b>15.544.358.202</b>

**5.9 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2023	235.642.652.528	1.344.749.446.335	17.048.109.328	1.054.257.774	1.598.494.465.965
Tăng trong năm	8.515.566.236	94.351.429.117	-	197.800.000	103.064.795.353
Thanh lý trong năm	-	(12.931.706.798)	(233.684.476)	-	(13.165.391.274)
Tại ngày 31/12/2023	<b>244.158.218.764</b>	<b>1.426.169.168.654</b>	<b>16.814.424.852</b>	<b>1.252.057.774</b>	<b>1.688.393.870.044</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2023	163.913.644.760	1.064.814.908.108	10.346.928.325	781.507.208	1.239.856.988.401
Khấu hao trong năm	9.250.693.663	82.697.355.685	1.599.646.199	121.380.489	93.669.076.036
Thanh lý trong năm	-	(12.931.706.798)	(233.684.476)	-	(13.165.391.274)
Tại ngày 31/12/2023	<b>173.164.338.423</b>	<b>1.134.580.556.995</b>	<b>11.712.890.048</b>	<b>902.887.697</b>	<b>1.320.360.673.163</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2023	71.729.007.768	279.934.538.227	6.701.181.003	272.750.566	358.637.477.564
Tại ngày 31/12/2023	<b>70.993.880.341</b>	<b>291.588.611.659</b>	<b>5.101.534.804</b>	<b>349.170.077</b>	<b>368.033.196.881</b>

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 667.112.806.080 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 600.606.763.645 VND).
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị còn lại của một số tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay là 247.838.872.288 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 219.450.589.422 VND).

**TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP**

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

**5.10 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2023	1.139.772.808
Tăng trong năm	581.370.000
Tại ngày 31/12/2023	<b>1.721.142.808</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 01/01/2023	1.139.772.808
Khấu hao trong năm	116.274.000
Tại ngày 31/12/2023	<b>1.256.046.808</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2023	-
Tại ngày 31/12/2023	<b>465.096.000</b>
<i>Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:</i>	
Tại ngày 01/01/2023	1.139.772.808
Tại ngày 31/12/2023	<b>1.139.772.808</b>

**5.11 Tình hình tăng, giảm bất động sản đầu tư cho thuê**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2023	99.345.324.219
Tăng trong năm	-
Tại ngày 31/12/2023	<b>99.345.324.219</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 01/01/2023	54.891.694.284
Khấu hao trong năm	4.315.158.626
Tại ngày 31/12/2023	<b>59.206.852.910</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2023	44.453.629.935
Tại ngày 31/12/2023	<b>40.138.471.309</b>
<i>Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê:</i>	
Tại ngày 01/01/2023	33.704.309.828
Tại ngày 31/12/2023	<b>36.304.849.375</b>

Theo quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày lập báo cáo cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

**TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP**

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

*Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư cho thuê như sau:*

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ việc cho thuê	39.108.585.935	36.458.123.347
Giảm trừ doanh thu từ việc cho thuê	-	(2.168.407.653)
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	6.748.782.512	8.901.811.744

**5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/01/2023	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ và khác trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>				
- Máy đánh ống	10.172.454.725	16.104.003.741	(26.276.458.466)	-
- Máy dệt vải	-	36.083.957.530	-	36.083.957.530
- Tài sản khác	-	3.989.596.073	(3.989.596.073)	-
<b>Xây dựng cơ bản</b>				
- Nâng cấp hệ thống vận chuyển búp sợi thô tự động	1.379.973.180	-	-	1.379.973.180
- Hàng rào và Kiot	-	2.289.714.545	(2.289.714.545)	-
- Thi công đường vào cổng công ty và vỉa hè	-	664.069.091	(664.069.091)	-
- Cải tạo, sửa chữa nền bê tông làm hầm hút	-	1.825.745.000	(1.825.745.000)	-
- Phần mềm quản trị nguồn nhân lực	581.370.000	-	(581.370.000)	-
- Tài sản khác	-	5.055.164.045	(3.736.037.600)	1.319.126.445
	<b>12.133.797.905</b>	<b>66.012.250.025</b>	<b>(39.362.990.775)</b>	<b>38.783.057.155</b>

**5.13 Phải trả người bán ngắn hạn, dài hạn****5.13.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>				
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng	10.991.474.450	10.991.474.450	12.731.068.363	12.731.068.363
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Cotonificio Albin S.P.A	22.989.587.287	22.989.587.287	20.228.604.295	20.228.604.295
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	19.513.002.417	19.513.002.417	5.082.934.170	5.082.934.170
Olimpas Group SRL	11.903.945.738	11.903.945.738	-	-
Lever Style Limited	12.660.743.632	12.660.743.632	-	-
Các nhà cung cấp khác	61.749.534.456	61.749.534.456	73.946.864.759	73.946.864.759
	<b>139.808.287.980</b>	<b>139.808.287.980</b>	<b>111.989.471.587</b>	<b>111.989.471.587</b>

**5.13.2 Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Tổng Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

**TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP**

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

	01/01/2023		Số phát sinh trong năm		31/12/2023	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp / đã hoàn VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT	-	5.323.010.338	60.161.216.213	65.484.255.711	29.160	-
Thuế XNK	-	-	314.831.424	314.831.424	-	-
Thuế TNDN	6.818.038.351	1.084.634.686	6.956.366.545	1.086.161.486	1.096.538.242	1.233.339.636
Thuế thu nhập cá nhân	217.868	110.400.921	3.233.124.200	2.980.348.471	-	362.958.782
Thuế tài nguyên	-	2.115.680	43.709.081	44.508.201	-	1.316.560
Tiền thuế đất	7.164.988.947	-	15.876.047.829	13.045.827.032	4.334.768.150	-
Thuế khác	-	-	562.414.930	562.414.930	-	-
	<b>13.983.245.166</b>	<b>6.520.161.625</b>	<b>87.147.710.222</b>	<b>83.518.347.255</b>	<b>5.431.335.552</b>	<b>1.597.614.978</b>

*Thuế giá trị gia tăng*

Các công ty trong Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10% đối với hoạt động chính, là 5% với hoạt động khác, là 0% với mặt hàng xuất khẩu, và không thuế suất đối với hoạt động không chịu thuế

*Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")*

Các công ty trong Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

*Các loại thuế khác*

Các công ty trong Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**5.15 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác****5.15.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Phải trả tổ chức và cá nhân khác</b>		
Kinh phí công đoàn	1.493.000.951	1.490.418.031
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	679.035.439	-
Cổ tức phải trả	405.345.000	637.395.000
Các khoản tài trợ thương mại từ ngân hàng (*)	135.911.850.561	177.999.552.739
Các khoản phải trả khác	1.532.524.435	2.211.974.012
	<b>140.021.756.386</b>	<b>182.339.339.782</b>

(\*) Đây là số tiền phải trả cho Thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (UPAS/LC) cung cấp bởi các ngân hàng với kỳ hạn trả chậm là 180 ngày.

**5.15.2 Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Phải trả tổ chức và cá nhân khác</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	7.241.055.318	6.945.480.318
Các khoản phải trả khác	20.000.000.000	-
	<b>27.241.055.318</b>	<b>6.945.480.318</b>

**TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP**

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

**5.15.3 Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Tổng Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

**5.16 Vay ngắn hạn, dài hạn****5.16.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn các tổ chức khác</b>				
Vay ngắn hạn	428.760.335.691	428.760.335.691	732.369.343.803	732.369.343.803
Nợ vay dài hạn đến hạn trả	34.383.999.231	34.383.999.231	18.634.778.664	18.634.778.664
	<b>463.144.334.922</b>	<b>463.144.334.922</b>	<b>751.004.122.467</b>	<b>751.004.122.467</b>

**Thông tin về các khoản vay ngắn hạn như sau:**

	Thời hạn	Mục đích vay	Lãi suất %/năm	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh – VND (1)	6 - 9 tháng	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	6,0 – 7,8	274.424.674.773	470.179.207.789
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh – USD (2)	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	5,5	59.093.152.873	66.156.894.764
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh – VND	6 tháng	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	5,4 – 7,8	-	88.346.237.851
- Ngân hàng SinoPac – CN Tp. Hồ Chí Minh – VND	6 tháng	Tài trợ nhu cầu phát hành thư tín dụng (LC) trả ngay và trả chậm của bên vay và các nhu cầu vốn lưu động để mua sắm nguyên vật liệu, trang thiết bị,...	5,0 – 10,0	-	51.704.566.054
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh – VND (3)	6 tháng	Bổ sung vốn lưu động, phát hành tín dụng chứng từ (LC) phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dệt may	5,2 – 6,5	95.242.508.045	18.843.879.981
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 – VND	6 tháng	Bổ sung vốn lưu động, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	7,6	-	29.522.129.104
- Ngân hàng Phát triển nhà TP. Hồ Chí Minh – VND	6 tháng	Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh	3,7	-	7.616.428.260
				<b>428.760.335.691</b>	<b>732.369.343.803</b>

**TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP**

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

- (1) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2023: 98.474.624.827 VND (tại ngày 01/01/2023: 130.228.701.786 VND).
- (2) Khoản vay này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2023 là 33.653.840 VND (tại ngày 01/01/2023 là 786.546.159 VND) và hàng tồn kho luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- (3) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2023 là 19.593.249.661 VND (01/01/2023: 19.881.456.638 VND).

**5.16.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác</b>				
Vay dài hạn	111.458.449.009	111.458.449.009	67.621.775.498	67.621.775.498
Nợ vay dài hạn đến hạn trả	(34.383.999.231)	(34.383.999.231)	(18.634.778.664)	(18.634.778.664)
	<b>77.074.449.778</b>	<b>77.074.449.778</b>	<b>48.986.996.834</b>	<b>48.986.996.834</b>

**Chi tiết của các khoản vay dài hạn như sau:**

	Thời hạn (năm)	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh – USD (1)	05 – 08	Đầu tư thay thế, bổ sung máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án không bao gồm lãi nhập gốc. Thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp mà khách hàng đã thanh toán vượt phần vốn tự có phải góp theo quyết định đầu tư đối với dự án	8,6 – 8,68	16.809.635.938	28.342.050.795
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh – VND (1)	05 – 08	Đầu tư thay thế, bổ sung máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án không bao gồm lãi nhập gốc. Thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp mà khách hàng đã thanh toán vượt phần vốn tự có phải góp theo quyết định đầu tư đối với dự án	8,1 – 8,5	35.426.687.620	16.397.718.935
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh – VND (2)	05	Đầu tư tài sản bổ sung các máy móc thiết bị sợi	8,1 – 8,3	6.434.490.549	8.459.783.823
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh – VND (3)	07	Đầu tư thiết bị hoàn thiện vải dệt kim	8,9	31.441.342.777	-



**TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP**

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Thời hạn (năm)	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh – VND (4)	05	Phát hành tín dụng chứng từ trả ngay L/C và tài trợ vốn hoàn vốn tự có để thực hiện dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị của nhà máy sợi	8,5	21.346.292.125	14.422.221.945
<b>Trừ nợ đến hạn trả</b>					
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – USD	01		8,6 – 8,68	(15.593.373.418)	(11.675.160.000)
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – VND	01		8,1 – 8,5	(11.300.000.000)	(6.000.000.000)
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh – VND	01		8,5	(3.800.046.560)	-
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh – VND	01		8,1 – 8,3	(2.380.523.304)	(959.618.664)
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh – VND	01		8,9	(1.310.055.949)	-
				<b>77.074.449.778</b>	<b>48.986.996.834</b>

- (1) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2023: 10.958.177.553 VND (tại ngày 01/01/2023: 17.016.130.341 VND).
- (2) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2023: 17.531.336.434 VND (tại ngày 01/01/2023: 9.595.445.286 VND).
- (3) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2023: 66.449.174.271 VND.
- (4) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2023: 34.798.655.702 VND (tại ngày 01/01/2023: 41.478.190.927 VND).

**TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP**  
 127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

**5.17 Vốn chủ sở hữu ("CSH")**

**5.17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2022	210.000.000.000	3.062.727.273	59.042.458.985	292.597.517.226	64.741.803.756	629.444.507.240
Lãi trong năm	-	-	-	54.998.680.942	225.977.467	55.224.658.409
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(7.233.769.393)	(161.533.096)	(7.395.302.489)
Chia cổ tức	-	-	-	(52.500.000.000)	(2.778.062.500)	(55.278.062.500)
<b>Số dư 31/12/2022</b>	<b>210.000.000.000</b>	<b>3.062.727.273</b>	<b>59.042.458.985</b>	<b>287.862.428.775</b>	<b>62.028.185.627</b>	<b>621.995.800.660</b>
Số dư 01/01/2023	210.000.000.000	3.062.727.273	59.042.458.985	287.862.428.775	62.028.185.627	621.995.800.660
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	12.079.276.071	606.396.148	12.685.672.219
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(5.010.732.632)	(350.207.756)	(5.360.940.388)
Chia cổ tức	-	-	-	(52.500.000.000)	(954.625.000)	(53.454.625.000)
<b>Số dư 31/12/2023</b>	<b>210.000.000.000</b>	<b>3.062.727.273</b>	<b>59.042.458.985</b>	<b>242.430.972.214</b>	<b>61.329.749.019</b>	<b>575.865.907.491</b>

**TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP**

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

**5.17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301445210, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 02 năm 2007 và các lần đăng ký thay đổi với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 9 ngày 09 tháng 09 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty mẹ là 210.000.000.000 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, các cổ đông Công ty mẹ đã góp đủ vốn.

	31/12/2023			01/01/2023		
	Cổ phiếu	VND	Tỷ lệ	Cổ phiếu	VND	Tỷ lệ
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	9.855.000	98.550.000.000	46,93%	9.855.000	98.550.000.000	46,93%
Cổ đông khác	11.145.000	111.450.000.000	53,07%	11.145.000	111.450.000.000	53,07%
	<b>21.000.000</b>	<b>210.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>21.000.000</b>	<b>210.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**5.17.3 Cổ phiếu**

	31/12/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.000.000	21.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

**5.17.4 Phân phối lợi nhuận**

Trong năm, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 46/NQĐHCĐ-TVT ngày 17 tháng 05 năm 2023 như sau:

	VND
• Trích quỹ phúc lợi và khen thưởng	1.735.205.131
• Thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành	2.892.008.552
• Chia cổ tức	52.500.000.000
	<b>57.127.213.683</b>

**5.18 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất****Ngoại tệ**

	31/12/2023	01/01/2023
Dolla Mỹ (USD)	947.717,48	2.569.395,58

**TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP**

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán thành phẩm	1.388.589.366.197	1.706.777.343.019
Doanh thu bán hàng hóa	157.161.742.926	110.371.033.723
Doanh thu cung cấp dịch vụ	62.680.001.320	65.831.426.209
Doanh thu bán phế liệu	35.970.617.019	40.759.350.057
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	39.108.585.935	36.458.123.347
	<b>1.683.510.313.397</b>	<b>1.960.197.276.355</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Chiết khấu thương mại	(147.713.774)	(151.993.086)
Giảm giá hàng bán	(22.580.000)	(138.592.264)
Hàng bán bị trả lại	(1.390.343.212)	(3.137.295.425)
	<b>(1.560.636.986)</b>	<b>(3.427.880.775)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.681.949.676.411</b>	<b>1.956.769.395.580</b>

Trong đó doanh thu với các bên liên quan:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Công ty TNHH Việt Thắng Luch I</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	959.969.755	971.920.878
Doanh thu cho thuê	209.544.000	210.860.800
Giảm trừ doanh thu	-	(2.168.407.653)

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn thành phẩm	1.302.121.056.527	1.542.139.233.193
Giá vốn hàng hóa	155.025.172.992	107.210.627.473
Giá vốn cung cấp dịch vụ	47.585.726.106	52.333.390.372
Giá vốn phế liệu	31.789.967.295	36.648.490.287
Giá vốn bất động sản đầu tư cho thuê	6.748.782.512	8.901.811.744
Trích lập / (hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.517.245.671)	3.641.464.491
	<b>1.537.753.459.761</b>	<b>1.750.875.017.560</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền lãi chậm thanh toán	493.903.469	22.251.573
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	15.184.362.996	24.399.436.644
Cổ tức được chia	-	1.440.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.783.547.617	5.643.091.281
	<b>22.461.814.082</b>	<b>31.504.779.498</b>

**TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP**

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

6.4 Chi phí tài chính		Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay		40.664.035.742	36.995.562.346
Lỗ chênh lệch tỷ giá		7.191.962.378	13.706.066.616
		<b>47.855.998.120</b>	<b>50.701.628.962</b>
6.5 Chi phí bán hàng		Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên bán hàng		2.496.839.023	2.697.529.244
Chi phí hoa hồng		7.510.132.806	4.101.834.341
Cước vận chuyển		2.662.443.090	2.236.440.776
Chi phí bán hàng khác		5.620.613.793	9.027.824.743
		<b>18.290.028.712</b>	<b>18.063.629.104</b>
6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp		Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý		39.541.090.927	57.167.425.887
Thuế, tiền thuê đất		8.751.394.645	8.395.201.357
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác		37.893.149.589	35.824.727.817
		<b>86.185.635.161</b>	<b>101.387.355.061</b>
6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu		Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND	12.079.276.071	54.998.680.942
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty			
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	VND	(373.786.437)	(4.627.213.683)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	<b>11.705.489.634</b>	<b>50.371.467.259</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành bình quân trong kỳ	CP	21.000.000	21.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/CP	<b>557</b>	<b>2.399</b>
(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dùng để tính chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" năm 2023 là 3% trên lợi nhuận sau thuế của Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ, căn cứ tỷ lệ dự kiến theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 46/NQĐHCĐ-TVT ngày 11 tháng 05 năm 2023.			
6.8 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn bán hàng hóa		159.888.718.646	153.410.453.433
Chi phí nguyên vật liệu		1.042.530.650.978	1.044.647.979.444
Chi phí nhân công		207.892.535.092	239.657.771.499
Chi phí khấu hao tài sản cố định		96.406.546.415	102.595.326.293
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác		266.744.911.596	275.605.442.061
		<b>1.773.463.362.727</b>	<b>1.815.916.972.730</b>

**TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP**

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****7.1 Tiền thu từ đi vay**

	<b>Năm 2023</b> VND	<b>Năm 2022</b> VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.051.781.618.819	1.318.478.554.924
	<u>1.051.781.618.819</u>	<u>1.318.478.554.924</u>

**7.2 Tiền trả nợ gốc vay**

	<b>Năm 2023</b> VND	<b>Năm 2022</b> VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.313.623.226.355	1.065.967.308.107
	<u>1.313.623.226.355</u>	<u>1.065.967.308.107</u>

**TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP**  
 127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

**8. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Bộ phận chia theo vùng địa lý**

	Việt Nam		Nước ngoài		Tổng	
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	1.140.378.386.559	1.522.700.996.633	541.575.249.852	434.068.398.947	1.681.953.636.411	1.956.769.395.580
Chi tiêu vốn	130.097.624.603	30.234.082.878	-	-	130.097.624.603	30.234.082.878
	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
Tài sản của bộ phận	1.456.299.937.669	1.813.280.222.657	-	-	1.456.299.937.669	1.813.280.222.657



## **9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Tổng Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tổng Công ty. Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Tổng Công ty.

Tổng Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### ***i. Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

### ***ii. Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

#### *Phải thu khách hàng*

Tổng Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tổng Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tổng Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tổng Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Tổng Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tổng Công ty theo chính sách của Tổng Công ty. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm ngoại trừ các khoản phải thu được trình bày tại thuyết minh số 5.5 và khoản đầu tư được trình bày tại mục 5.2.

### ***iii. Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tổng Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.



**TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP**

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tổng Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở dòng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả:

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>			
Các khoản vay	463.144.334.922	77.074.449.778	540.218.784.700
Phải trả người bán	139.808.287.980	-	139.808.287.980
Chi phí phải trả	4.701.945.487	-	4.701.945.487
Các khoản phải trả, phải nộp khác	137.849.719.996	27.241.055.318	165.090.775.314
	<b>745.504.288.385</b>	<b>104.315.505.096</b>	<b>849.819.793.481</b>
<b>Ngày 01 tháng 01 năm 2023</b>			
Các khoản vay	751.004.122.467	48.986.996.834	799.991.119.301
Phải trả người bán	111.989.471.587	-	111.989.471.587
Chi phí phải trả	804.998.788	-	804.998.788
Các khoản phải trả, phải nộp khác	180.848.921.751	6.945.480.318	187.794.402.069
	<b>1.044.647.514.593</b>	<b>55.932.477.152</b>	<b>1.100.579.991.745</b>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

**Tài sản đảm bảo**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023:

- Tổng Công ty đang thế chấp tài sản cố định của mình để đảm bảo cho khoản vay – xem mục 5.9; và
- Tổng Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác.

**iv. Giá trị hợp lý**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Phải thu khách hàng	183.165.661.752	219.910.487.621	183.165.661.752	219.910.487.621
Phải thu khác	5.768.135.666	16.799.734.267	5.768.135.666	16.799.734.267
Các khoản đầu tư, cho vay	115.600.000.000	357.100.000.000	115.600.000.000	357.100.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	156.362.612.466	270.070.377.523	156.362.612.466	270.070.377.523
	<b>460.896.409.884</b>	<b>863.880.599.411</b>	<b>460.896.409.884</b>	<b>863.880.599.411</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Các khoản vay	540.218.784.700	799.991.119.301	540.218.784.700	799.991.119.301
Phải trả người bán	139.808.287.980	111.989.471.587	139.808.287.980	111.989.471.587
Chi phí phải trả	4.701.945.487	804.998.788	4.701.945.487	804.998.788
Các khoản phải trả khác	165.090.775.314	187.794.402.069	165.090.775.314	187.794.402.069
	<b>849.819.793.481</b>	<b>1.100.579.991.745</b>	<b>849.819.793.481</b>	<b>1.100.579.991.745</b>

**TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP**

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tổng Công ty chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 01 tháng 01 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Ban Tổng Giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**10. CÁC THÔNG TIN KHÁC****10.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**10.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tổng Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

		Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền lương và các khoản thu nhập khác			
<b>Hội đồng Quản trị</b>	<b>Chức vụ</b>		
Ông Lê Tiến Trường	Chủ tịch HĐQT	378.934.000	56.000.000
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Phó Chủ tịch HĐQT	1.101.742.818	664.213.273
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên	72.000.000	57.000.000
Ông Diêu Chí Hào	Thành viên	130.966.000	63.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên	133.091.000	42.000.000
Ông Phạm Minh Tuấn	Thành viên	-	21.000.000
Bà Trần Thị Thanh Phượng	Thành viên	-	254.411.000
<b>Ban Kiểm soát</b>	<b>Chức vụ</b>		
Bà Vũ Thị Thùy Dương	Trưởng ban	134.366.000	56.000.000
Ông Nguyễn Đức Lợi	Thành viên	274.144.813	227.327.574
Bà Đào Thị Nội	Thành viên	276.652.062	198.407.510
<b>Ban Quản lý điều hành</b>	<b>Chức vụ</b>		
Ông Nguyễn Quang Minh	Tổng Giám đốc	1.226.746.772	698.409.273
Ông Lê Nguyên Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	555.800.614	513.388.381
Ông Đậu Phi Quyết	Phó Tổng Giám đốc	781.606.855	417.942.000
Ông Bùi Đăng Hoàn	Giám đốc điều hành	590.867.924	357.902.077
Ông Diệp Quốc Bình	Kế toán trưởng	768.401.250	548.991.880

**TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP**

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

**10.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác***Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh đã được trình bày tại mục 6.1, giữa Tổng Công ty với các bên liên quan còn có các giao dịch như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Chia cổ tức	24.673.500.000	24.637.500.000
<b>Công ty TNHH Việt Thắng Luch I</b>		
Mua nguyên vật liệu	-	855.056.700
Chi phí dịch vụ khác	-	347.250.000
Cho vay	2.000.000.000	173.625.000
<b>Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng</b>		
Chi phí dịch vụ khác	14.191.455.516	16.239.591.910

*Công nợ với các bên liên quan*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5.3, 5.4, 5.5 và 5.13.

**10.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.



**HOÀNG THỊ THÚY VÂN**  
Người lập



**DIỆP QUỐC BÌNH**  
Kế toán trưởng




**NGUYỄN QUANG MINH**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024